

**NGÀNH DƯỢC HỌC
(PHARMACY)
MÃ SỐ: 7720201**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Dược sĩ trình độ đại học là đào tạo những người có đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản để tư vấn về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; để sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc tốt; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Về thái độ

- Tận tụy, có trách nhiệm trong hành nghề, vì sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;
- Coi trọng việc kết hợp y-dược học hiện đại với y-dược học cổ truyền.
- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

1.2.2. Về kiến thức

- Có đủ kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở.
- Có kiến thức chuyên môn cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối, tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.
- Nắm vững các quy định của pháp luật và chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân.
- Có phương pháp luận khoa học trong các công tác chuyên môn và nghiên cứu.

1.2.3. Về kỹ năng

- Tổ chức được và thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.
- Thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và trong các chương trình y tế quốc gia.
- Hướng dẫn, tư vấn chuyên môn dược cho các thành viên y tế khác.
- Thông tin thuốc và tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc.

1.2.4. Chức danh tốt nghiệp: Dược sĩ

1.2.5. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Các cơ sở y tế, các bệnh viện và một số ban ngành có nhu cầu sử dụng Dược sỹ.

2. Thời gian đào tạo : 5 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá : 160 đơn vị tín chỉ. Không kể học phần GDQPAN&GDTC.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ST T	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
I		Kiến thức giáo dục đại cương	38	33	5
		1.1. Các môn chung:	21	21	0
1	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	Y.LLCT.1.03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	Y.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
6	Y.NNKC.1.01.7	Ngoại ngữ không chuyên	7	7	
7	D.NNG.1.01.3	Ngoại ngữ chuyên ngành	3	3	0
		1.2. Các môn cơ sở khối ngành:	17	12	5
8	D.KCB.2.01.2	Toán – Thống kê y dược	2	1	1
9	Y.KCB.2.04.3	Tin học đại cương và ứng dụng	3	2	1
10	D.KCB.2.03.3	Vật lý	3	2	1
11	D.KCB.2.04.3	Hóa đại cương vô cơ	3	2	1
12	Y.KCB.2.01.2	Sinh học	2	1	1
13	Y.YCC.2.01.2	Tâm lý y học – Đạo đức y học	2	2	0
14	Y.YCC.2.02.2	Truyền thông và Giáo dục sức khỏe - Dân số học	2	2	0
II		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	122	81	41
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành:	33	23	10
17	D.GPH.3.01.3	Giải phẫu	3	2	1
23	D.KST.3.01.2	Ký sinh trùng	2	2	0
24	D.NOI.3.01.3	Bệnh học	3	3	0
20	D.SHY.3.01.3	Hóa sinh	3	2	1
19	D.SLB.3.01.3	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	1
18	D.SLY.3.01.3	Sinh lý	3	2	1
22	D.VSY.3.01.2	Vi sinh	2	1	1
15	D.KHD.3.01.2	Hóa phân tích 1	2	1	1
16	D.KHD.3.02.3	Hóa phân tích 2	3	2	1
21	D.KHD.3.03.2	Hóa lý dược	2	1	1

ST T	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
25	D.KHD.3.04.3	Thực vật dược	3	2	1
26	D.KHD.3.05.2	Hóa hữu cơ 1	2	2	0
27	D.KHD.3.06.2	Hóa hữu cơ 2	2	1	1
		2.2. Kiến thức ngành:	37	22	15
28	D.DLY.4.01.3	Dược lý 1	3	2	1
29	D.DLY.4.02.2	Dược lý 2	2	2	0
30	D.KHD.4.07.2	Dược liệu 1	2	1	1
31	D.KHD.4.08.2	Dược liệu 2	2	1	1
32	D.KHD.4.09.2	Hóa dược 1	2	1	1
33	D.KHD.4.10.2	Hóa dược 2	2	1	1
34	D.KHD.4.11.3	Bào chế & Công nghệ dược 1	3	2	1
35	D.KHD.4.12.2	Bào chế & Công nghệ dược 2	2	1	1
36	D.KHD.4.13.2	Dược học cổ truyền	2	1	1
37	D.KHD.4.14.2	Pháp chế dược	2	2	0
38	D.KHD.4.15.3	Quản lý và kinh tế dược	3	2	1
39	D.KHD.4.16.2	Dược lâm sàng 1	2	1	1
40	D.KHD.4.17.2	Dược lâm sàng 2	2	1	1
41	D.KHD.4.18.2	Kiểm nghiệm 1	2	1	1
42	D.KHD.4.19.2	Dược động học	2	2	0
43	D.KHD.4.20.2	Độc chất học	2	1	1
44	D.KHD.4.21.2	Thực hành dược khoa 1	2	0	2
		2.3. Kiến thức bổ trợ (tự chọn):	42	30	12
45	D.KHD.5.22.2	Nghiên cứu và phát triển thuốc mới	2	1	1
46	D.KHD.5.23.2	Dược dịch tễ	2	2	0
47	D.KHD.5.24.2	Marketing và thị trường dược phẩm	2	2	0
48	D.KHD.5.25.2	Dược xã hội học	2	2	0
49	D.KHD.5.26.2	Nhóm GP (GDP, GSP, GPP, GMP, GLP)	2	2	0
50	D.KHD.5.27.4	Sản xuất thuốc 1	4	2	2
51	D.KHD.5.28.2	Sản xuất thuốc 2	2	1	1
52	D.KHD.5.29.2	Sử dụng thuốc trong điều trị 1	2	1	1
53	D.KHD.5.30.2	Sử dụng thuốc trong điều trị 2	2	1	1
54	D.KHD.5.31.2	Hóa sinh lâm sàng	2	2	0
55	D.KHD.5.32.2	Trồng và phát triển cây thuốc	2	2	0
56	D.KHD.5.33.2	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	2	1	1
57	D.KHD.5.34.2	Thực hành dược khoa 2	2	0	2
58	D.KHD.5.35.2	Kiểm nghiệm 2	2	1	1
59	D.KHD.5.36.2	Ứng dụng phương pháp điện hóa/ KN	2	2	0
60	D.KHD.5.37.2	Điện di và các phương pháp sắc ký	2	1	1

ST T	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
61	D.KHD.5.38.2	Đảm bảo chất lượng trong phân tích kiểm nghiệm	2	2	0
62	D.KHD.5.39.2	Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc	2	2	0
63	D.KHD.5.40.2	Một số dạng bào chế đặc biệt	2	1	1
64	D.KHD.5.41.2	Mỹ phẩm	2	2	0
		2.4. Tốt nghiệp (hoặc khóa luận tốt nghiệp)	10	6	4
65	D.PDH.4.01.3	Lý thuyết Cơ sở	3	3	0
66	D.PDH.4.02.4	Lý thuyết Chuyên ngành	3	3	0
67	D.PDH.4.03.3	Thực hành	4	0	3
68	D.PDH.4.04.10	Luận văn Tốt nghiệp	10	10	0
TỔNG CỘNG			160	114	46
III		Các học phần thay thế			
1	D.KHD.5.44.2	Bào chế & Công nghệ dược 3	2	2	0
2	D.KHD.5.45.2	Quản lý và kinh tế dược 2	2	2	0
3	D.KHD.5.46.2	Thực hành dược khoa 3	2	0	2
4	D.KHD.5.47.2	Thực hành dược khoa 4	2	0	2
5	D.KHD.5.48.2	Sản xuất thuốc 3	2	1	1
6	D.KHD.5.49.2	Sử dụng thuốc trong điều trị 3	2	1	1
7	D.KHD.5.50.2	Một số dạng bào chế đặc biệt 2	2	1	1